

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-PT

Ngày 07-5-2026

V/v tranh chấp về Ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Minh Phương

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Xuân Tuyến

Bà Đoàn Thị Hương Nhu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:** Bà Đồng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2026/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc Ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2026/QĐPT-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Châu Văn T, sinh năm 1996; số Căn cước công dân: 008096007526; nơi cư trú: Thôn L, xã T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

- **Bị đơn:** Chị Đỗ Quỳnh T1, sinh năm 1996; số Căn cước công dân: 031196008377; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B đường T, phường K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- **Người kháng cáo:** Chị Đỗ Quỳnh T1 là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn anh Châu Văn T trình bày:

Anh T và chị T1 quen nhau từ ngày 19/8/2024, hai bên kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/11/2024 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải

Phòng. Ngay sau khi kết hôn, quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T1 có những lời nói không hay xúc phạm anh T và gia đình anh T, không tôn trọng và chia sẻ với nhau. Cuộc sống chung vợ chồng vì thế mà căng thẳng, không có hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do tính cách và quan điểm sống khác biệt. Trong thời gian tìm hiểu anh T cũng nhận thấy, giữa hai bên có nhiều khác biệt nhưng chị T1 kiên quyết đề nghị đi đăng ký kết hôn nên anh T cũng đồng ý. Do mâu thuẫn không thể khắc phục nên anh T và chị T1 đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm với chị T1 không còn, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài quan hệ vợ chồng chỉ làm tổn thương cho nhau. Do vậy, anh T có yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị T1 không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo Văn bản 03/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn chị Đỗ Quỳnh T1 trình bày:*

Chị T1 xác nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị T1 và anh T được xác lập như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn do điều kiện công việc, anh T là bộ đội đóng quân tại Tuyên Quang, chị T1 là giáo viên làm việc tại Hải Phòng nên hai bên sống xa nhau, ít có điều kiện gặp gỡ, chia sẻ với nhau. Do phải sống xa nhau và thiếu sự thấu hiểu nên chị T1 đôi lúc có ghen tuông, có những lời nói thiếu kiềm chế dẫn đến hiểu lầm và chiến tranh lạnh giữa hai bên; mỗi khi gặp nhau thường nảy sinh tranh cãi. Tuy nhiên, chị T1 vẫn còn tình cảm với anh T, mong muốn cùng anh T xây dựng gia đình hạnh phúc, lâu dài; cũng chỉ do ghen tuông, lo sợ mất anh T dẫn đến việc đôi khi chị T1 hành xử với anh T thiếu đúng đắn. Chị T1 mong muốn hai vợ chồng cùng suy nghĩ lại để tránh việc quyết định ly hôn vội vàng, có cơ hội đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T1 và anh T chưa có con chung.

Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2026/HNGĐ-ST ngày 13/02/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 7, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Châu Văn T được ly hôn với chị Đỗ Quỳnh T1; Về con chung: các đương sự xác nhận không có con chung; về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Đỗ Quỳnh T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu

xin ly hôn của anh T, tạo điều kiện để chị T1 và anh T được đoàn tụ, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời trình bày, anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Chị T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị T1 để vợ chồng được đoàn tụ.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Quỳnh T1: Căn cứ vào lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng ngay từ khi chung sống quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính cách, quan điểm sống giữa hai bên không phù hợp. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 không còn khả năng khắc phục nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T1 phải chịu án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và người chưa thành niên phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Kháng cáo của bị đơn – chị Đỗ Quỳnh T1 nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm (Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự).

*- Xét kháng cáo của bị đơn – chị Đỗ Quỳnh T1:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Châu Văn T và chị Đỗ Quỳnh T1 kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 27/11/2024 nên là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ thời gian đầu chung sống, quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do việc tìm hiểu chưa kỹ nên hai bên chưa hiểu nhau; tính cách, quan điểm sống giữa hai bên không phù hợp. Mặt khác do điều kiện công việc nên anh T và chị T1 phải sống xa nhau. Việc này cũng là trở ngại để hai bên hiểu,

thông cảm và chia sẻ với nhau. Nay chị T1 mong muốn vợ chồng cho nhau thêm cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh T cương quyết xin ly hôn. Tuy nhiên, thời gian qua, ngoài việc mong muốn anh T tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm thì chị T1 không có giải pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Tại giai đoạn phúc thẩm, anh T gửi đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh T và trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T1 không còn khả năng khắc phục nên không chấp nhận kháng cáo của chị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn phúc thẩm: Chị Đỗ Quỳnh T1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Quỳnh T1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 22/2026/HNGĐ-ST ngày 13/02/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 7, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Châu Văn T.

2. Về quan hôn nhân: Xử cho anh Châu Văn T được ly hôn với chị Đỗ Quỳnh T1.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Đỗ Quỳnh T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002075 ngày 25/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Quỳnh T1 đã nộp đủ án phí ly hôn phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 22/2026/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 7, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND Khu vực 7-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 7-Hải Phòng;
- THADSTP. Hải Phòng;
- UBND xã Tiên Minh, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP,  
Phòng GD,KT,TTr và THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương**